

lợi của nhân dân. Cơ quan hải quan phải có ý thức báo cáo thỉnh thị đối với Ủy ban hành chính, Ủy ban hành chính địa phương cần chú trọng lãnh đạo cơ quan hải quan và quy định chế độ báo cáo thỉnh thị của cơ quan hải quan về việc xử lý. Sở Hải quan trung ương cần theo dõi và thường xuyên kiểm tra mặt công tác này của các cấp Hải quan và quy định cụ thể chế độ báo cáo giữa Phòng hải quan với Phân, Chi sở hải quan và giữa Phân, Chi sở hải quan với Sở Hải quan trung ương.

2. Quyền khiếu nại của người phạm pháp.

Sau khi cơ quan hải quan xử lý, người phạm pháp có quyền khiếu nại. Các cấp hải quan khi xử lý phải ghi rõ quyền khiếu nại của người phạm pháp vào quyết định xử lý và sau khi xử lý phải tuyên bố quyền khiếu nại trên cho họ biết. Người phạm pháp muốn khiếu nại phải làm đơn. Đơn này có thể gửi cho cơ quan hải quan cấp trên hoặc các cơ quan có thẩm quyền các cấp của Nhà nước. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, trong vòng 7 ngày, các Phân, Chi sở hải quan phải gửi đơn ấy và hồ sơ của vụ phạm pháp về Sở Hải quan trung ương. Trong thời gian là 15 ngày sau khi nhận được đơn khiếu nại, Sở Hải quan trung ương phải nghiên cứu giải quyết xong, rồi báo kết quả cho đơn vị hải quan hữu quan để trả lời cho người khiếu nại biết.

Trong khi chờ đợi giải quyết, người phạm pháp phải chấp hành quyết định xử lý của cơ quan hải quan.

Sở Hải quan trung ương là cơ quan quyết định cuối cùng về phương diện xử lý hải quan.

IV. QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HẢI QUAN, VIỆN KIỂM SÁT VÀ TÒA ÁN

Các cấp hải quan cần tranh thủ sự giúp đỡ của Viện Kiểm sát và Tòa án nhân dân địa phương về phương diện thi hành pháp luật.

— Đối với những vụ buôn lậu lớn, trong quá trình từ khi mới phát hiện cho tới khi bắt, cơ quan hải quan cần báo cho Viện Kiểm sát nhân dân địa phương biết.

Đối với những vụ buôn lậu này, nếu xét thấy cần truy tố sau khi xin ý kiến của Ủy ban hành chính địa phương và Sở Hải quan trung ương, cơ quan hải quan sẽ chuyển toàn bộ hồ sơ sang Viện Kiểm sát nhân dân địa phương để đề nghị truy tố trước tòa án. Trường hợp này cơ quan hải quan không phải xử lý trước.

Đối với những trường hợp cơ quan hải quan đã xử lý mà người phạm pháp không khiếu nại, hoặc có khiếu nại mà Sở Hải quan trung ương đã giải quyết nhưng người phạm pháp không chấp hành quyết định xử lý của cơ quan hải quan thì cơ quan hải quan có thể đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân địa phương can thiệp. Nếu Viện Kiểm sát nhân dân xét thấy chưa được hợp lý thì cơ quan hải quan phải nghiên cứu để sửa lại.

Những vụ phạm pháp mà cơ quan hải quan xử lý phạt tiền, tịch thu hàng hóa hoặc tịch thu công cụ vận tải và tang vật dùng để chuyên chở, che giấu hàng phạm pháp, cơ quan hải quan phải ra quyết định xử lý. Bản sao quyết định xử lý phải gửi Sở Hải quan trung ương, Ủy ban hành chính và Viện Kiểm sát nhân dân địa phương. Hàng tháng cơ quan hải quan phải tổng hợp tất cả những trường hợp xử lý: phê bình, cảnh cáo, bắt nộp thuế để báo cáo Ủy ban hành chính và Sở Hải quan trung ương, đồng thời gửi bản sao báo cáo đó cho Viện Kiểm sát nhân dân địa phương.

..

Thông tư này áp dụng cho việc xử lý đối với tất cả các vụ phạm thể lệ xuất nhập khẩu hàng hóa, muối, rượu, tiền tệ, kim khí quý, đá quý, ngọc trai, kể cả những vụ phạm pháp về xuất nhập khẩu ở biên giới.

Việc xử lý các vụ phạm pháp về thuốc phiện, vàng, bạc, muối, rượu, v.v... bắt ở nội địa không thuộc phạm vi thông tư này.

Ủy ban hành chính địa phương và Sở Hải quan trung ương cần chú trọng lãnh đạo các cấp hải quan sử dụng đúng những quyền hạn trên đây cho đúng mức và đúng với pháp luật hiện hành, mặt khác Ủy ban hành chính địa phương và cơ quan hải quan cần chú ý giáo dục cán bộ hải quan về các mặt lập trường, tư tưởng, chính sách, chỉ đạo chặt chẽ việc làm của cán bộ hải quan để kịp thời ngăn chặn những lệnh lạc có thể xảy ra.

Để việc thi hành thông tư này được tốt, Bộ yêu cầu các cấp hải quan tổ chức nghiên cứu và đặt kế hoạch thi hành cho chu đáo.

Hà nội, ngày 18 tháng 2 năm 1961

Bộ trưởng Bộ Ngoại thương

PHAN ANH

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 52-TC/QĐ/TCCB ngày 9-3-1961 thành lập Trường Tài vụ và Kế toán hợp tác xã nông nghiệp trực thuộc Bộ Tài chính.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ sắc lệnh số 75-SL ngày 29-5-1946 thành lập Bộ Tài chính;

Căn cứ chỉ thị số 3-TTg ngày 4-1-1961 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tài chính, tài vụ và kế toán;

Căn cứ yêu cầu gấp rút đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài vụ và kế toán hợp tác xã nông nghiệp;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức và Cán bộ, trong khi chờ đợi nghị định chính thức của Hội đồng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập Trường Tài vụ và kế toán hợp tác xã nông nghiệp, trực thuộc Bộ Tài chính.

Điều 2. — Trường Tài vụ và kế toán hợp tác xã nông nghiệp có nhiệm vụ:

— Bồi dưỡng giảng viên và cán bộ hướng dẫn ở các trường, lớp đào tạo cán bộ tài vụ và kế toán hợp tác xã của địa phương.

— Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách công tác tài vụ và kế toán hợp tác xã từ cấp huyện trở lên.

— Đào tạo, bồi dưỡng một phần trọng số cán bộ phụ trách tài vụ và kế toán trưởng của các hợp tác xã toàn xã và liên xã.

— đúc rút kinh nghiệm các mặt để trao đổi, giúp đỡ địa phương trong việc mở các trường, lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài vụ và kế toán hợp tác xã.

Điều 3. — Tổ chức bộ máy của Trường gồm có:

— Ban Giám hiệu,

— Các ban chuyên môn:

— Ban kế toán,

— Ban tài vụ,

— Các phòng:

— Phòng tổ chức và nhân sự,

— Phòng hành chính quản trị.

Điều 4. — Nhiệm vụ và tổ chức chi tiết của Trường do một điều lệ tổ chức quy định.

Điều 5. — Các ông Chánh văn phòng và Vụ trưởng Vụ Tổ chức và Cán bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà nội, ngày 9 tháng 3 năm 1961

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

NGUYỄN THANH SƠN

ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 04-UB/CQL ngày 28-1-1961 ban hành chế độ bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu xây dựng.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

Chiếu lệnh số 18-LCT của Chủ tịch nước Việt nam dân chủ Cộng hòa công bố luật tổ chức Hội đồng Chính phủ;

Chiếu quyết định ngày 8 tháng 10 năm 1955 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Kế hoạch Nhà nước;

Xét nhu cầu công tác;

Sau khi đã được các Bộ, các Cơ quan hữu quan tham gia ý kiến,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành chế độ bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu xây dựng nhằm: thống nhất chế độ bảo quản vật liệu tại kho, lán, bãi và chế độ sử dụng vật liệu hợp lý trên các công ty, công trường;

Điều 2. — Chế độ này áp dụng cho các công trường xây dựng cơ bản, các cơ cấu cung ứng vật liệu xây dựng, các cơ quan kinh doanh về vật liệu kiến trúc của tất cả các ngành;

Điều 3. — Quyết định này thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1961.

Hà nội, ngày 28 tháng 1 năm 1961

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước

Phó Chủ nhiệm

NGUYỄN CÓN

THÔNG TƯ số 206-UB/CQL ngày 28-1-1961 về việc bảo quản và sử dụng vật liệu xây dựng.

Kính gửi Các Bộ,

Các Ngành,

Các Ủy ban kế hoạch các khu, thành, tỉnh,

Các Công ty, Công trường.

Hiện nay việc bảo quản và sử dụng vật liệu xây dựng trong các kho, lán, bãi, cũng như các công ty, công trường còn nhiều chỗ bất hợp lý, vì vậy đã gây ra nhiều hiện tượng lãng phí vật liệu một cách nghiêm trọng.

Để khắc phục những thiếu sót trên, chúng tôi đề cùng các Bộ, công ty, công trường xây dựng ban hành chế độ bảo quản và sử dụng vật liệu xây dựng nhằm mục đích tăng cường việc quản lý vật liệu xây dựng trong các kho, lán, bãi cũng như trên các công ty, công trường để việc bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu được hợp lý.

Nội dung bản điều lệ này gồm ba phần chính:

1. Phần quy tắc chung nói về nguyên tắc bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật liệu xây dựng, quy tắc khen thưởng và trừng phạt (trong việc bảo quản và sử dụng vật liệu).

2. Phần điều lệ bảo quản nói về các biện pháp bốc dỡ, vận chuyển, và sắp xếp vật liệu tại kho, lán, bãi.

3. Phần nguyên tắc sử dụng vật liệu nói về nguyên tắc mua sắm vật liệu, sản xuất vật liệu, sử dụng vật liệu tại các công ty, công trường.